

TÍNH LIÊN NGÀNH TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

PGS. TS. DẶNG VĂN BÀI*

1. Hợp tác nghiên cứu liên ngành và đa ngành là một xu thế tất yếu, đồng thời cũng là ưu thế cần được vận dụng để giải quyết có hiệu quả những vấn đề khoa học liên quan đến các hoạt động bảo tồn, bảo tàng.

Thời gian qua, lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ cũng là do có sự ủng hộ hết lòng và hợp tác chặt chẽ của các nhà nghiên cứu trong các ngành khoa học có liên quan. Song cũng phải thừa nhận là, không phải ở tất cả các mặt hoạt động, các cấp quản lý nhà nước, các địa phương đều quan tâm đầy đủ tới việc phối hợp nghiên cứu liên ngành. Do đó, tôi muốn được trao đổi những ý kiến chủ quan mang tính cá nhân về vấn đề trên, mong góp phần giải quyết một phần những vướng mắc do thực tế đặt ra.

1.1. Về mặt nhận thức, mọi người đều thừa nhận rằng, nghiên cứu liên ngành không đối lập và không phủ nhận nghiên cứu chuyên biệt của các bộ môn khoa học độc lập, ngược lại còn bổ sung, hỗ trợ cho nghiên cứu chuyên ngành đạt trình độ nhận thức và phát triển cao hơn. Việc phối hợp nghiên cứu của các ngành khoa học hữu quan được triển khai theo hướng vận dụng sáng tạo, linh hoạt những tri thức, quan điểm và phương pháp nghiên cứu của các ngành khoa học khác nhau để đạt được những mục tiêu nghiên cứu cụ thể của một bộ môn khoa học chuyên biệt. Đối với những ngành khoa học ra

đòi muện, đứng ở điểm giao cắt của nhiều ngành hữu quan như: Bảo tàng học, bảo tồn di sản văn hóa... lại càng cần có sự phối hợp liên ngành trong tiếp cận đối tượng nghiên cứu khoa học của mình. Chỉ bằng phương thức đó, chúng ta mới mong thực hiện được những mục tiêu do xã hội đặt ra là:

- Nhận diện di sản văn hóa một cách toàn diện, đầy đủ và sâu sắc nhất.
- Tạo lập tình trạng ổn định về mặt kỹ thuật và kéo dài tuổi thọ của di sản văn hóa.
- Phát huy các mặt giá trị tiêu biểu di sản văn hóa phục vụ nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của đông đảo công chúng trong xã hội.

Có thể hiểu một cách khái lược, nghiên cứu liên ngành là sự phối hợp và vận dụng phương pháp nghiên cứu của các bộ môn khoa học có liên quan phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu của bộ môn khoa học chuyên ngành, đồng thời cũng cần quan tâm tới nhu cầu, lợi ích của các ngành khoa học khác, nghĩa là tạo ra được những kết quả nghiên cứu phục vụ thiết thực cho nhu cầu nghiên cứu của các ngành khoa học có liên quan.

1.2. Bản chất của văn hóa nói chung, di sản văn hóa nói riêng, là đa diện và đa dạng, có quan hệ mật thiết với tất cả các mặt hoạt động của đời sống xã hội, nên nó phải là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, thậm chí của bất cứ cá nhân nào trong xã hội có tâm huyết với di sản văn hóa dân tộc.

* HỘI DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM

Đối tượng nghiên cứu của ngành bảo tồn, bảo tàng là di sản văn hóa, bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể. Trong từng loại hình, di sản văn hóa lại được cấu thành bởi nhiều yếu tố khác nhau. Riêng lĩnh vực di sản văn hóa vật thể cũng có hai loại hình: di tích động sản và bất động sản, được tạo tác từ nhiều loại chất liệu khác nhau, vào những giai đoạn lịch sử khác nhau, mang dấu ấn sáng tạo của nhiều lớp nghệ nhân dân gian và còn thường xuyên được bổ sung các yếu tố mới trong quá trình tồn tại:

- Quy mô, kích thước của các di tích lớn, nhỏ, rộng, hẹp khác nhau như: một di vật đơn lẻ, các bộ sưu tập hiện vật gốc, kho bảo quản các bộ sưu tập hiện vật gốc, phần trưng bày trên cơ sở các sưu tập hiện vật gốc; một di tích đơn chiếc, một quần thể di tích, trung tâm lịch sử của một đô thị cổ, một khu chiến trường lớn, khu phố cổ, làng cổ và cả di sản kiến trúc đô thị (của một thành phố).

- Di tích lịch sử và văn hóa được phân loại ở nhiều cấp độ: Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia và di tích cấp tỉnh.

- Di sản văn hóa hàm chứa nhiều mặt giá trị: lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ...; di tích kiến trúc nghệ thuật còn phức tạp hơn nữa, với tính chất là một hợp thể giữa thiên nhiên, kiến trúc, điêu khắc, hội họa..., có thể được coi như là một "bảo tàng sống" riêng biệt.

- Di sản thiên nhiên (trong đó có danh lam thắng cảnh) cũng một lúc chứa đựng nhiều mặt giá trị: Thẩm mỹ, địa chất, địa mạo, đa dạng sinh học và cả giá trị văn hóa.

- Di sản văn hóa và thiên nhiên được phân bố ở khắp mọi miền đất nước, với điều kiện địa hình, đất đai, khí hậu khác nhau.

Nêu ra một số đặc thù của di sản văn hóa là để nhấn mạnh tầm quan trọng, ý nghĩa xã hội và sự cần thiết phải phối hợp nghiên cứu liên ngành trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa.

1.3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu di sản văn hóa cũng đặt ra yêu cầu phải có sự phối hợp nghiên cứu liên ngành và đa ngành.

Mục tiêu nguyên tắc hoạt động của ngành bảo tồn, bảo tàng là trân trọng bảo vệ các yếu tố cấu thành của di vật và di tích, tạo lập độ bền vững, ổn định về vật liệu, kết cấu nhằm kéo dài tuổi thọ của di tích; phát huy giá trị di sản văn

hóa phục vụ thiết thực nhu cầu tiếp cận, hưởng thụ và sáng tạo của các đối tượng công chúng khác nhau trong xã hội; chuyển giao di sản dưới dạng nguyên gốc cho các thế hệ tương lai có điều kiện kế thừa và phát huy giá trị, đáp ứng nhu cầu của xã hội đương đại.

Nhiệm vụ nghiên cứu di sản văn hóa phải là: Nhận dạng chính xác các mặt giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ,... đang được "kết tinh", vật thể hóa hay hàm chứa trong vỏ vật chất của di sản; xác định rõ trạng thái kỹ thuật, mức độ xuống cấp, hư hại và nguyên nhân dẫn tới tình trạng đó của di tích; áp dụng các biện pháp khoa học- kỹ thuật hoặc sáng tạo ra quy trình công nghệ mới nhằm loại bỏ tác nhân gây hại; gia cố, tăng cường độ bền vững về mặt vật chất để kéo dài tuổi thọ di tích.

Các kết quả nghiên cứu cần phải được tư liệu hóa, tạo thành cơ sở dữ liệu bằng các phương tiện công nghệ thông tin, làm tiền đề khoa học cho việc nghiên cứu tiếp theo cũng như xây dựng các phương pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là các dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích. Đồng thời, các cơ sở dữ liệu khoa học do ngành bảo tồn, bảo tàng xây dựng nên cũng sẽ thực sự có ích, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của các ngành khoa học hữu quan. Đó mới là cơ sở vật chất vững chắc cho sự phối hợp nghiên cứu liên ngành hôm nay và tương lai.

Rõ ràng là, những nhiệm vụ nghiên cứu nêu trên chứng tỏ chúng ta không thể chỉ "đơn thương độc mã" mà có thể giải quyết được, trái lại, việc phối hợp nghiên cứu liên ngành là hết sức cần thiết và mang tính bắt buộc.

1.4. Một điều chắc chắn là, trong công tác nghiên cứu di sản văn hóa, với tư cách là bộ môn khoa học ra đời muộn, lại đứng ở điểm giao cắt giữa nhiều ngành khoa học liên quan, thì ngành bảo tồn, bảo tàng cần phải có hệ thống các phương pháp nghiên cứu được hình thành trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng từ các ngành khoa học hữu quan như: sử học, văn hóa học, khảo cổ học, kiến trúc, mỹ thuật, thậm chí cả hóa học, vật lý... vào hoạt động nghiên cứu di sản văn hóa. Trong chúng ta vẫn còn những người quan niệm sai lầm, cho rằng ngành bảo tồn, bảo tàng chỉ đơn thuần triển khai các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, nghĩa là chỉ cần vận dụng các phương pháp nghiên

cứu và những thành tựu nghiên cứu của các ngành khoa học hữu quan vào hoạt động thực tiễn của ngành là đủ, mà không cần hoặc không thể nghiên cứu cơ bản. Thực tiễn lại cho thấy điều ngược lại, ngành bảo tồn bảo tàng hoàn toàn có khả năng triển khai việc nghiên cứu cơ bản, tức là qua nghiên cứu chúng ta phát hiện được những thông tin khoa học, kiến thức mới, bổ sung vào kho tàng tri thức nhân loại, đồng thời còn thực sự có ích cho hoạt động nghiên cứu của các ngành khoa học hữu quan.

Ngành bảo tồn bảo tàng đồng thời tiến hành cả hai hình thức nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm. Nghiên cứu lý thuyết là thông qua việc quan sát sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội, thông qua việc khảo sát thực địa, điều tra, phỏng vấn, thu thập tài liệu tham khảo của các ngành khoa học hữu quan mà đặt vấn đề, giải thích các hiện tượng văn hóa, phát hiện ra và khẳng định các mặt giá trị tiêu biểu của kho tàng di sản văn hóa mà chúng ta đang quản lý. Nghiên cứu thực nghiệm là thông qua các hoạt động thực tiễn, thí nghiệm tại các công trường tu bổ di tích cũng như trong phòng thí nghiệm để thu thập số liệu, phân tích, so sánh đối chiếu, giải thích và đưa ra được những giải pháp phù hợp nhằm giữ gìn, bảo quản, tu bổ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Các nguồn tư liệu lịch sử, các bộ hồ sơ di tích và vật chứng lịch sử bảo quản, trưng bày trong các bảo tàng trong không gian văn hóa của các di tích lịch sử- văn hóa hoặc lưu giữ tại các cơ quan quản lý di tích, phòng thông tin tư liệu là vô cùng cần thiết và hữu ích cho các nhà nghiên cứu từ nhiều ngành khoa học có liên quan.

Nếu xét riêng biệt từng phương pháp nghiên cứu, chúng tôi có cảm giác rằng, ngành bảo tồn, bảo tàng không có phương pháp nghiên cứu độc lập, mà hầu như chỉ vay mượn phương pháp nghiên cứu của các ngành khoa học khác. Tuy vậy, từ những trình bày trên, có thể thấy rõ, đây là một ngành khoa học độc lập, có đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu mang tính chuyên ngành. Và do đó, đang tồn tại cả hệ thống khái niệm, nguyên lý và nguyên tắc khoa học dẫn dắt, định hướng cho hoạt động thực tiễn của toàn ngành bảo tồn, bảo tàng.

Đến đây, chúng tôi cần nhấn mạnh một định đề có tính bất biến là, muốn thực thi có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về di sản văn

hóa, ngoài việc vận dụng sáng tạo những thành tựu khoa học của các ngành khoa học khác, chúng ta nhất thiết phải chủ động, độc lập triển khai chương trình phối hợp liên ngành trong nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra những cơ sở khoa học vững chắc cho việc hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa, xây dựng các dự án quy hoạch tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cả nước.

2. Trong lĩnh vực phối hợp nghiên cứu liên ngành và đa ngành về di sản văn hóa, chúng ta cũng đã có những kết quả đáng khích lệ. Xin được nêu một số dẫn chứng:

Thứ nhất, để hoàn thiện Dự án “Luật di sản văn hóa năm 2001” và Dự án “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa”, chúng ta đã nhận được sự hỗ trợ và hợp tác chí tình, có chất lượng của các thành viên ban biên soạn Dự thảo Luật là các nhà khoa học có uy tín thuộc nhiều cơ quan nghiên cứu và quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương. Kết quả, đã tạo ra được những thay đổi cơ bản so với nội dung của *Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh năm 1984*, như:

- Việt Nam là một trong số rất ít các quốc gia trên thế giới đã mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật sang cả đối tượng là di sản văn hóa phi vật thể.

- Những quy định của *Bộ Luật dân sự* về các hình thức sở hữu cơ bản đã được vận dụng để xác định những hình thức sở hữu cơ bản về di sản văn hóa. Điều đó có nghĩa là quyền sở hữu tư nhân về di sản văn hóa lần đầu tiên được đặt dưới sự bảo hộ của nhà nước và mọi công dân có quyền tổ chức các sưu tập và bảo tàng tư nhân theo quy định của luật pháp.

- Đề cao trách nhiệm của Nhà nước đối với di sản văn hóa, đồng thời phân định rõ quyền và nghĩa vụ của công dân, theo hướng tôn trọng quyền sở hữu tư nhân; phân cấp quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa giữa các cấp chính quyền, các bộ, ngành ở trung ương cũng như địa phương.

- Đưa ra những quy định mới về vấn đề huy động các nguồn lực xã hội cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Những cơ chế mới quy định trong *Luật di sản văn hóa* góp phần thực hiện chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về xã hội hóa các hoạt động



Lễ hội Trường Lâm, Long Biên, Hà Nội - 2010- Ảnh: Đ.T

văn hóa nói chung và hoạt động bảo tồn di tích nói riêng.

Thứ hai, thừa ủy quyền của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa- Thông tin (nay là Bộ VH-TT-DL) đã ký Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24/7/2001 phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020. Đây là kết quả phối hợp nghiên cứu giữa Cục Di sản văn hóa và Trung tâm nghiên cứu Tu bổ di tích trung ương (nay là Viện nghiên cứu bảo tồn di tích) cùng các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ VH-TT-DL, các giáo sư, các nhà nghiên cứu thuộc các ngành khoa học có liên quan. Quy hoạch đã xác định rõ các mục tiêu cần phấn đấu trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa đến năm 2020 là:

- Giữ gìn nguyên vẹn và đầy đủ các di tích đã và đang được xếp hạng, không để xuống

cấp, tổn thất hoặc bị hủy hoại.

- Nâng cao nhận thức, phát huy giá trị di tích trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa và truyền thống văn hiến của dân tộc cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ...

- Trong điều kiện cho phép, các di tích cần được tu bổ, tôn tạo một cách hoàn chỉnh với tư cách là một sản phẩm du lịch có giá trị phục vụ chiến lược phát triển du lịch bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Tăng cường quản lý nhà nước về di tích và danh lam thắng cảnh theo hướng mở rộng xã hội hóa, thu hút sự tham gia rộng rãi của nhân dân vào việc bảo vệ và phát huy di tích, gắn với quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Thứ ba, Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 156/2005/QĐ-TTg ngày 23/6/2005 cũng là kết quả của quá trình hợp tác liên ngành trong nghiên cứu khoa học. Quy hoạch này cũng xác

định rõ những mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cần đạt được đến năm 2020 là:

- Mục tiêu chung: kiện toàn và phát triển hệ thống bảo tàng, phục vụ nhu cầu nghiên cứu khoa học, học tập, giảng dạy, phổ biến tri thức về lịch sử, văn hóa, khoa học và hưởng thụ văn hóa của công chúng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Củng cố và nâng cao chất lượng, vai trò nòng cốt của các bảo tàng quốc gia, bảo tàng đầu hệ, phát triển các bảo tàng chuyên ngành về giáo dục, khoa học, kỹ thuật và các bảo tàng ngành nghề truyền thống.

+ Sắp xếp và kiện toàn hệ thống bảo tàng tỉnh và thành phố, điều chỉnh và định hướng nội dung trưng bày theo đặc trưng lịch sử, văn hóa của địa phương, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động của bảo tàng.

+ Sắp xếp và kiện toàn hệ thống bảo tàng thuộc lực lượng vũ trang, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động, hòa nhập vào mạng lưới hoạt động chung của bảo tàng cả nước.

+ Phát triển các bảo tàng và phòng trưng bày, sưu tập tư nhân, thực hiện xã hội hóa hoạt động bảo tàng.

+ Đổi mới nội dung và hình thức hoạt động bảo tàng, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ trong các khâu công tác bảo tàng, xây dựng trung tâm thông tin về khoa học, lịch sử, văn hóa, thu hút đông đảo khách tham quan trong và ngoài nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tôi hiểu rằng, *Luật di sản văn hóa* và các quy hoạch tổng thể về bảo tồn di tích và phát triển bảo tàng là những công cụ pháp lý và khoa học rất cần thiết cho công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa. Các văn bản đó đã cụ thể hóa đường lối, chủ trương và những chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về di sản văn hóa, đồng thời thể hiện rõ những định hướng chiến lược mà toàn ngành bảo tồn, bảo tàng cần quán triệt trong mọi mặt hoạt động thực tiễn. Điều đáng tiếc là, những kết quả có được do việc phối hợp nghiên cứu liên ngành đó được triển khai cụ thể trong hoạt động thực tiễn của ngành bảo tồn, bảo tàng lại chưa thật nghiêm túc và triệt để.

Thứ tư, chúng ta đã triển khai nhiều dự án thu hút được sự tham gia, hợp tác nghiên cứu của nhiều chuyên gia nổi tiếng ở trong nước và quốc tế- Ví dụ như: Các dự án nghiên cứu nhà ở truyền thống dân gian (hợp tác với chuyên gia Nhật Bản); Dự án Hành trình di sản văn hóa qua các làng gốm cổ truyền (hợp tác với chuyên gia của Bỉ); dự án thí điểm tu bổ di tích đình Chu Quyến (chủ đầu tư là Cục Di sản văn hóa, đơn vị thiết kế và thi công tu bổ là Viện Nghiên cứu bảo tồn di tích, đơn vị giám sát thi công là Công ty Mỹ thuật trung ương). Trong quá trình này, chúng ta đã hợp tác với chuyên gia của các ngành khoa học liên quan trong quá trình khảo sát, thiết kế, thẩm định và phê duyệt Dự án. Đặc biệt, trong quá trình triển khai các dự án, Cục Di sản văn hóa đã tổ chức được nhiều đợt tập huấn ngay tại công trường cho các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng - những cán bộ kỹ thuật trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực tu bổ di tích, với sự hướng dẫn, trao đổi kinh nghiệm của các chuyên gia Nhật Bản, Trung Quốc...

Thứ năm, việc xét duyệt, thẩm định hồ sơ xếp hạng và các dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa cũng thể hiện thái độ nghiêm túc và thực sự cầu thị của ngành bảo tồn, bảo tàng trong việc hợp tác nghiên cứu liên ngành. Nhìn vào danh sách thành viên Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia (tổ chức tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ), Hội đồng khoa học về bảo tồn di tích và Ban Di sản văn hóa phi vật thể (hai đơn vị tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ta thấy sự hiện diện của các nhà khoa học có uy tín cả về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên thuộc nhiều ngành khoa học hữu quan- tri thức khoa học, kinh nghiệm thực tiễn, ý kiến trao đổi và sự đồng thuận của các nhà khoa học về các dự án và các nội dung khoa học liên quan tới lĩnh vực di sản văn hóa là sự bảo đảm chất lượng khoa học cho các dự án mà ngành bảo tồn, bảo tàng sẽ triển khai thực tế. Thậm chí, có những dự án trước khi xin ý kiến của các hội đồng chuyên ngành, chúng ta ngay từ đầu đã tranh thủ được kinh nghiệm nghề nghiệp và tri thức của các chuyên gia quốc tế như: để xây dựng Hồ sơ khoa học trình UNESCO đưa khu di tích Hoàng thành Thăng Long vào danh mục di sản văn hóa thế giới và Dự án bảo tồn tôn tạo di tích khảo cổ ở 18, Hoàng Diệu, chúng ta đã mời được các chuyên gia của UNESCO và Nhật Bản cùng hợp tác với các kiến trúc sư, các nhà sử học, khảo cổ học... của Việt Nam.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, phối hợp nghiên cứu liên ngành là thực sự cần thiết, có hiệu quả thực tế và ngành bảo tồn, bảo tàng bước đầu đã có nhận thức đúng, đồng thời tích cực triển khai nghiên cứu khoa học theo hướng hợp tác liên ngành. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận những kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng với yêu cầu của thực tế đặt ra.

3. Nhận thức khoa học là quan trọng, nhưng nhận thức chỉ thành hiện thực khi chúng ta đổi mới được phương thức tổ chức phối hợp nghiên cứu liên ngành trong lĩnh vực di sản văn hóa.

3.1. Tất cả mọi việc đều cần được bắt đầu từ khâu tổ chức. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hiện có nhiều cơ quan quản lý và nghiên cứu khoa học có liên quan tới lĩnh vực di sản văn hoá, nhưng có lẽ trước mắt, nên củng cố, nâng cấp Viện Nghiên cứu bảo tồn di tích như một đầu mối kết nối nghiên cứu liên ngành trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản

văn hoá. Và do đó, Viện này phải chủ động xây dựng chương trình phối hợp nghiên cứu liên ngành và tích cực ứng dụng thành tựu nghiên cứu, đặc biệt là thành tựu khoa học- kỹ thuật của các ngành khoa học có liên quan ở trong nước và quốc tế theo hướng:

- Tiếp cận tổng hợp và toàn diện nhằm nhận diện các mặt giá trị của di sản văn hoá, trong đó, đặc biệt quan tâm tới giá trị lịch sử, nguồn tư liệu lịch sử làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng các dự án, lựa chọn các giải pháp ứng xử chuẩn xác với di sản văn hoá. Theo đó, rất cần tổ chức các cơ sở dữ liệu khoa học bằng phương tiện khoa học hiện đại là kỹ thuật số, trước mắt là củng cố hai cơ sở dữ liệu sẵn có ở Viện Nghiên cứu bảo tồn di tích và Phòng Thông tin- tư liệu của Cục Di sản văn hoá.

- Tích cực xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở gắn với nhu cầu của xã hội và của ngành di sản văn hoá, có khả năng ứng dụng ngay vào hoạt động thực tiễn của ngành. Trong thời gian qua, khi triển khai nhiều dự án phát triển kinh tế- xã hội, chúng ta còn chưa quan tâm thỏa đáng tới việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; đã có nhiều dự án kinh tế và khoa học- kỹ thuật bằng vốn vay quốc tế (WB, IMF...), nhưng chưa có dự án nào kết hợp vốn vay đó để giải quyết vấn đề di sản văn hoá có liên quan tới khu vực hoặc địa phương có dự án kinh tế. Điều đó là chưa phù hợp với tiêu chí phát triển bền vững- xu thế lớn mà nhân loại đang hướng tới. Trong tương lai, chúng ta phải tranh thủ nguồn vốn này để thực thi việc nghiên cứu liên ngành, đồng thời bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hoá góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ví dụ như, các dự án nghiên cứu khảo cổ học, khai quật khảo cổ giải phóng mặt bằng phục vụ thi công xây dựng các công trình lớn. Rõ ràng là, chúng ta quan niệm chưa rõ về vấn đề kinh tế trong văn hoá và chưa có những hoạt động làm cho kinh tế thực sự bắt rễ vào văn hoá và ngược lại. Sau khi sáp nhập 4 cơ quan thành Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thì sự phối hợp nghiên cứu giữa hai ngành có quan hệ mật thiết và tác động hữu cơ lẫn nhau là văn hóa và du lịch lại càng thuận lợi hơn bao giờ hết. Cả hai ngành có chung đối tượng quản lý và phục vụ là di sản văn hoá và khách tham quan trong nước và quốc tế. Hoạt động bảo tồn di tích góp phần tạo ra các sản

phẩm du lịch- văn hoá đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững, ngược lại hoạt động du lịch góp phần thu hút dòng đảo công chúng tiếp cận và hưởng thụ các giá trị di sản văn hoá, trên cơ sở đó, kích lệ họ sáng tạo các giá trị văn hoá mới, đồng thời đóng góp trí tuệ, công sức và kinh phí cho việc bảo tồn di sản văn hoá. Tuy vậy, dường như kết quả đạt được từ sự phối hợp của hai lĩnh vực này cũng chưa nhiều. Cùng đó là việc, trong số các di tích đã xếp hạng, có rất nhiều di tích là cơ sở hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, nhưng sự phối hợp liên ngành cơ bản cũng mới chỉ xem xét di tích dưới góc độ di sản văn hoá mà chưa quan tâm tới những vấn đề xã hội, nguyện vọng của các tín đồ, của cư dân sống gần khu vực di tích. Đó cũng là thiếu sót cần được kịp thời khắc phục.

- Từ thực tế của Dự án tu bổ đình Chu Quyến cho thấy, trong thời gian tới, ngành di sản văn hoá Việt Nam rất cần thực hiện chương trình hợp tác liên ngành và quốc tế để có thêm các dự án thực nghiệm tu bổ di tích với các loại hình kiến trúc, vật liệu và kỹ thuật xây dựng khác nhau như: đá, gạch, gốm, đất nung v.v...

3.2. Nguồn nhân lực có chất lượng được đào tạo chuyên ngành là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động của ngành di sản văn hoá nói chung, công tác nghiên cứu liên ngành về di sản văn hoá nói riêng.

Có một thực tế là, không nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp các trường đại học trong nước, kể cả hai trường đại học văn hoá ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, thiết tha muốn về công tác tại các cơ quan thuộc ngành di sản văn hoá. Và, trong số cán bộ đã về công tác cho ngành chúng ta, có rất ít người say mê và có được những thành tựu đáng kể trong tác nghiệp cũng như nghiên cứu khoa học. Theo chúng tôi, có nhiều nguyên nhân, trong đó hai nguyên nhân cơ bản là: cán bộ tốt nghiệp từ những ngành khoa học cơ bản sau khi về các đơn vị cơ sở của ngành chưa được đào tạo lại để có thêm kiến thức chuyên sâu về bảo tồn, bảo tàng. Ngược lại, cán bộ tốt nghiệp từ khoa bảo tàng của các trường đại học văn hóa cũng không nỗ lực tự học để bổ sung kiến thức của các ngành khoa học cơ bản có liên quan; hơn nữa, kỹ năng tác nghiệp của các bạn đó cũng chưa thành thạo, nên kết quả nghiên cứu khoa học rất hạn chế.

Để khắc phục tình trạng trên, trước hết

chúng ta phải chú ý đầu tư cho khoa bảo tàng của hai cơ sở đào tạo thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. “Máy cái” có vũng vàng thì sản phẩm đào tạo ra mới có chất lượng. Vì thế, cần mạnh dạn và ưu tiên cử giáo viên của khoa bảo tàng đi thực tập, nghiên cứu ở nước ngoài để bổ sung những tri thức mới và trao đổi kinh nghiệm quốc tế. Mặt khác, cần có cuộc khảo sát, đánh giá lại chất lượng nguồn nhân lực đang hoạt động trong ngành bảo tồn, bảo tàng, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo lại phù hợp, đặc biệt là phải đổi mới chương trình đào tạo và xây dựng lại giáo trình bảo tàng học tiếp cận được xu thế quốc tế, nhất là việc tăng cường trang bị kỹ năng tác nghiệp, khả năng hoạt động nhóm và phối hợp nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Trong điều kiện có thể, Viện Nghiên cứu bảo tồn di tích phải nhanh chóng triển khai chức năng đào tạo chuyên ngành, đào tạo lại và bổ túc kiến thức về tu bổ, tôn tạo di tích cho các kiến trúc sư và người phụ trách các công trường tu bổ di tích. Trên cơ sở đó, thực hiện việc kiểm tra và cấp bằng, chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

3.3. Tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước để có thể thu hút và khai thác được trí tuệ của các chuyên gia thuộc nhiều ngành khoa học có liên quan.

Yêu cầu đầu tiên vẫn là tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và các quy hoạch tổng thể mang tính chuyên ngành để tạo lập cơ sở pháp lý và khoa học cho các hoạt động phối hợp nghiên cứu liên ngành. Có một hoạt động mang tính đặc thù của ngành chúng ta là, tu bổ di tích và trưng bày bảo tàng đang không được phân định với công tác xây dựng cơ bản và triển lãm mang tính thông tin cổ động. Vì thế, trong công tác tu bổ di tích, chúng ta đang bị trói buộc bởi Luật xây dựng và đấu thầu thi công dự án. Có thể hiểu, việc khảo sát,

thiết kế, xây dựng dự án tu bổ di tích giống như quá trình khám bệnh, và xác định phác đồ điều trị cho một bệnh nhân, vì cả hai việc có yêu cầu chung là, xác định nguyên nhân và đề xuất biện pháp loại trừ các nguyên nhân gây bệnh để cứu chữa cho bệnh nhân cũng như bảo vệ nguyên trạng “yếu tố gốc”, kéo dài tuổi thọ của di tích. Đặc thù đó làm cho việc tu bổ di tích khác hẳn quy trình xây dựng một công trình mới và sửa chữa các công trình dân dụng. Vì thế, việc áp dụng đơn giá khảo sát thiết kế công trình xây dựng mới vào việc khảo sát, thiết kế xây dựng dự án tu bổ di tích là hoàn toàn không tương thích và trong thực tế đã hạn chế rất nhiều khả năng phối hợp liên ngành. Đặc thù chuyên ngành đặt ra yêu cầu bức thiết phải sớm có có Nghị định hướng dẫn thi hành Luật di sản văn hoá được điều chỉnh bổ sung năm 2009 và các quy chế chuyên ngành để chuẩn hoá các quy trình công nghệ cho các hoạt động tu bổ di tích.

Tóm lại, việc phối hợp nghiên cứu liên ngành và việc vận dụng sáng tạo hay thích nghi các thành tựu nghiên cứu, kinh nghiệm thực tiễn của nhiều ngành khoa học có liên quan là vô cùng quan trọng cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, nhưng các nguyên tắc khoa học và giải pháp cụ thể đều cần được cân nhắc, lựa chọn và quyết định từ góc độ di sản văn hoá, vì đây là một ngành khoa học chuyên biệt, có đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ và hệ thống phương pháp nghiên cứu riêng. Mặt khác, cũng cần khẳng định, không có một công thức, giải pháp vạn năng cho tất cả mọi di tích, mà mọi giải pháp khoa học để bảo tồn cần được lựa chọn phù hợp với điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội và đặc điểm của từng di tích cụ thể./.

D.V.B

ĐẶNG VĂN BÀI: THE INTERDISCIPLINARY IN THE WORK OF THE PRESERVATION OF CULTURAL HERITAGE

From the theoretical and real backgrounds of cultural heritage sector recently, the paper focuses on the cooperation of disciplinary research as indispensable and a priority needed to use to preserve and promote the values of cultural heritage; as well as to give some recommendations on some urgent activities to improve the quality and effectiveness of this cooperation of disciplinary research.